

ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 14

Phẩm 9: MẬT ẤN (Tiếp Theo)

Kế là tay phải duỗi ra rủ xuống thành hình cái chuông, là ấn Diêm La Hậu. Kế tay trái, hai ngón út và áp út co vào trong, thò hai ngón trở và giữa ra, hai ngón cái như nắm tay. Đây là ấn Hắc Dạ Thiên, là Diêm La Vương Hậu. Kế tướng ấn như trước, chỉ co đầu ngón, dùng ngón cái giữ đầu ở mắt thứ hai, là ấn Lỗ-nại-la Hậu, ấn Tự Tại Thiên Hậu.

Kế dùng tay trái cũng như cầm hoa sen (ấn Chấp Liên Hoa) là ấn Phạm Thiên Hậu. Phạm thiên không có dục lâu như thân người, vì sao nói có hậu (vợ). Đây là nghĩa ấn tướng Phạm Vương Minh Phi nên nói là phi.

Kế tay trái duỗi ra, co vào hai ngón út và áp út, dùng ngón trở giữ lưng ngón giữa, ngón cái cũng hơi co, tức là ấn Kiều-mạt-ly-thước-đế. Đây là con của Đại Tự Tại tên là Yết-đề-ca, Kiều-mạt-ly là tên vợ.

Kế dùng tay trái, ba ngón giữa, áp út và út xòe thẳng ra, dùng ngón trở giữ ngón cái. Đây là ấn Na-la-diên Hậu. Kế tay trái nắm lại, ngón cái hướng lên trên, đây là ấn Diêm vương Thất Mẫu. Kế duỗi tay trái ra mà co lại như ôm đầu lâu để ngửa trước ngực, là ấn Giá-văn-trà. Tay trái dùng ngón cái giữ ngón áp út và út, thò ngón giữa và ngón trở ra, tức là ấn Niết-ri-đề-đao.

Kế xòe một tay trái ra như ấn Chuyển pháp luân ở trước, chỉ chẳng đan xen các ngón là khác mà thôi. Đây ấn Na-la-diên Thiên. Kế xòe mười ngón ra úp xuống, hai ngón cái téo nhau, tức là ấn Nhất Thiết Long. Nhân đặt ngón cái bên phải trên ngón trái là ấn Na-đà-long, nếu đặt trái lên phải thì là ấn Tiểu Nan-đà như ấn Rồng chín đầu ở trước. Thẳng bốn ngón chia làm cánh thì là ấn Kim sí điểu. Ở dưới đất thì phần nhiều làm một tay.

Kế là xòe bàn tay tả ra khiến đầu ngón không dính nhau, ngón cái giữ móng ngón út, là ấn Thương-yết-la. Như ấn trước mà hợp ba ngón

lại tức là ấn Ô-mang-na, là Hậu của Thương-yết-la. Hai ấn giống nhau, trước đầu ngón hơi co, còn ở đây thì chẻ thẳng ra.

Tay trái làm ấn nửa hoa sen (bán Liên Hoa) giống như ấn Quán Âm, ở đây khác là chỉ làm một tay, tức là ấn Phạm Thiên. Kế là chấp ngược tay ra, co hai ngón trở giữ lưng hai ngón giữa ở mắt thứ ba khiến đung đầu hai ngón áp út, hai ngón áp út này cũng ở lưng ngón giữa ở mắt thứ ba. Ấn Nguyệt Thiên này và ấn Phạm vương không khác, chỉ tưởng có màu trắng là khác thôi.

Kế chấp tay co hai ngón trở và út vào trong, khiến hai ngón giữa và áp út cong lại như cây cung. Đây là ấn Nhật Hậu Xả Da, ấn Gió. Giống như trước là duỗi nghiêng tay trái mà co hai ngón út và áp út lại, đây là ấn Gió Tràng. Trước ngửa tay trái ra để ngang rún như ôm đàn sắt, ngón cái và ngón trở tay phải giữ nhau, các ngón kia thò ra, hướng vào thân động như khảy đàn, là ấn Diệu Âm Thiên. Đây là nhiếp Càn-thát-bà, đây là Thiên hậu, cũng thuộc loại Càn-thát-bà.

Kế như ấn Quyên Sách ở trước, chỉ làm ở tay trái, tức là ấn Phược-lỗ-noa Long Vương. Kế dùng tay trái như ấn Âm Nhạc Thiên Đô Trung, tay phải co ngón trở đè ngón cái, các ngón khác đều xòe ra mà úp xuống đặt trên tay trái, là ấn A-tu-la. Chân ngôn là: Già-la La-diễn là gia hạnh, vì hạnh chẳng thật có. La là vô cấu, La là vô tướng, diễn là vô sở đắc. Trên có dấu chấm là đại không. Càn-thát-bà, là nắm tay lại, thò hai ngón áp út và châu đầu vào nhau, là Bản Bộ Tam-muội-da. Nếu ấn sự nghiệp thì bắt một tay, nghĩa là ngón cái đè ba ngón kia mà thẳng ngón áp út ra, đó là ấn Càn-thát-bà. Chân ngôn là Phì-thâu (vào) Đà (thanh tịnh) Tát-phược-la (âm) Phược-hê-nhĩ (ra). Kế nắm tay trái lại, con ngón trở như móc câu mà không dính vào đầu ngón cái, là ấn Nhất Thiết Dạ-xoa. Chân ngôn là: Dực-khất-xoa (ăn nuốt) Thấp-phược-la (tự tại).

Kế là dùng ngón cái tay trái giữ đầu ngón út mà thò hai ngón giữa và áp út ra, dùng ngón trở giữ ngón cái ở mắt trên, là ấn Nhất Thiết Dực-xoa Nữ. Chân ngôn là: Dực-khất-xoa (ăn), Vĩ-đà (sáng).

Kế tay trái, ngón cái giữ ba ngón chỉ thò ngón giữa, là ấn Nhất Thiết Tỳ-xá-già. Chân ngôn là Tỳ-xá-giá-yết -để (đến Đệ nhất nghĩa). Kế cũng y như trước mà co ngón giữa, là ấn Tỳ-xá-chi Nữ. Chân ngôn là Tỳ-chỉ Tỳ-chỉ (Tỳ là Đệ nhất nghĩa, giá là lìa sinh tử).

Kế là hai tay chấp lại, hai ngón cái duỗi thẳng, (tách) ra khiến lìa các ngón kia, là ấn Khất-lật-hà. Nếu gần thì hợp lấy chín chấp làm định. Chân ngôn là Yết-lật-hệ (hạnh cấu nhân) Thấp-phược-lý-dã (tự

tại) Bát-la-bổ-đa (được) Nhũ-để (sáng) Ma-dã (tánh).

Trước chấp tay theo cách Tam-bổ-tra, hai ngón giữa và hai ngón cái đều giao nhau, ngón phải đè ngón trái, đó là ấn Nhất Thiết Tú. Chân ngôn là: Na-khất-xoa-đa-la (các sao) Niết-na (hai hợp = tiếng) Đạt-nhĩ-duệ (nuốt các tiếng), na là không, Khất-xoa-duệ là hết. Nghĩa là tất cả dứt hết. Đa-la là cấu. Y theo đây mà nói là ăn các chướng cấu, tức là dùng tiếng thanh tịnh mà khiến tuôn ra khắp, tức là tiếng vô cấu. Phàm như trên nói chân ngôn, đều dùng nghĩa nói khen thật đức ấy. Phát giác nó mà khiến vui mừng.

Kế là chấp tay theo cách Tam-bổ-tra, co hai ngón áp út vào lòng tay, các ngón khác như thường, là ấn Nhất Thiết Tú, tức là ấn La-sát-ta. Ở trước nói là ấn loại Địa cư thiên. Thực hành ấn hai tay hay một tay đều được. Nếu trì tụng mà làm việc thì chẳng cần bắt ấn hai tay, chỉ bắt tay trái thôi cũng thành. Chân ngôn là: La-sát-ta, Đề-xà-đa (vua).

Kế duỗi tay trái ra che miệng, lưỡi dùng tay tức là ấn Đồ-cát-ni. Chữ Hiệt Lý là lìa nhân vô cấu. Trên có Tam-muội, bên cạnh chấm tỏ vẻ giận. Ha là nhân, trên có chấm cũng giận. Đây đều là đầu như trên nói các ấn, cho đến Đồ-cát-ni là sau. Nếu nói rộng cho cùng bộ loại quyền thuộc thì các loại nhiều vô biên. Như Đại Bản trong mười muôn bài kệ đã nói. Nay phẩm này nói chính là lược nêu Thượng Thủ. Như lưỡi kéo một mắt thì các mắt đều theo. Bí Mật Chủ! Tất cả như thế, Phật tin hiểu sinh Bồ-tát, nêu Như Lai đã chứng Pháp giới Bình Đẳng. Vì Bồn nguyện có năng lực đại bi nên dùng thần lực che chở mà hiện môn phương tiện thân mật, vì khiến tất cả chúng sinh đều được tin hiểu, đồng vào địa Nhất thiết trí.

Cho nên các ấn như thế phải biết đều từ tin hiểu của Phật sinh ra, đều là cờ nêu của các Bồ-tát. Nghĩa là phương tiện này chỉ bày đức nội chứng của Như Lai nên gọi là Tiêu. Như ấn có rất nhiều thứ. Cho đến thân phần cử động, đi đứng đều là ấn. Nếu A-xà-lê hiểu rõ Du-già, thấu suốt chỗ bí mật, làm thanh tịnh tâm Bồ-đề, vì tâm thanh tịnh mà thông đạt pháp Bí mật. Hễ có chỗ làm đều vì lợi ích điều phục chúng sinh.

Hễ làm việc gì thì đều thuận theo oai nghi của Phật. Cho nên tất cả thân chỗ có cử động ra làm đều là ấn (cho nên tất cả cử động của thân đều là ấn). Sao chỉ có thân nghiệp mà thôi? Cho đến tất cả nói năng cũng đều là chân ngôn. Do đó, Bí Mật Chủ Chân Ngôn Môn tu hạnh Bồ-tát, đã phát tâm Bồ-đề phải trụ vào Phật địa mà thực hành Mạn-đồ-la. Nếu bảo đời cuối này các Bồ-tát tu hạnh chân ngôn đã phát tâm Bồ-đề, thì phải trụ ở Phật Địa, sau mới tạo lập Mạn-đồ-la. Nếu

chẳng như thế mà làm đàn, tức là chê bai Phật.

Cho nên từ trên đã nói, A-xà-lê phải biết rõ các ấn và chân ngôn, mỗi thứ đều khéo làm đúng pháp, lại tu hành Du-già thật lâu mà thanh tịnh ba nghiệp thân, miệng, ý, hiểu rõ thực hành pháp môn ba nghiệp bình đẳng. Nhờ Du-già và chân ngôn mà thân được gia trì, tức là đồng thân với chư Phật, Bồ-tát, đồng với vị Phật. Do đây mà tương ứng Tam-muội, sự lý không trái nhau mà kinh luận viên đàn cho đến nơi chốn, sắc tướng... mỗi pháp đều xứng lý mà chẳng lầm lỗi, khéo biết thứ lớp. Phải biết nhất định sẽ được lợi ích lớn chẳng hề luống dối.

Nếu chẳng như thế, thì được vượt tội Tam-muội-da. Tam-muội-da là tự thể, tất cả Như Lai lập thế nguyện là muốn khắp vì tất cả chúng sinh khai thị tri kiến Phật, khiến đều như mình. Dùng phương tiện mà lập pháp này, cho nên cũng như phép vua ở đời chẳng thể vượt qua. Nếu ai vượt qua thì bị tội nặng cho nên phải tương ứng với tâm Bồ-đề, trụ vào Phật Địa mà làm. Nếu chẳng thuận giáo thì uổng phí công phu, ngày tháng luống qua, không thành tựu gì, luống vờ tội lỗi mà vô ích. Cho nên người tu phải xét cầu kinh pháp. Lại nhờ Minh sư khai thị, chớ để tự làm. Đã nói rộng về phẩm Ấn xong.
